

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các H thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Diệu;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; thường trú: Thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T1; tạm trú: Số 20/11, khu phố T, phường D, thành phố D1, tỉnh B. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Chu Đình S, sinh năm 1980; thường trú: Thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T1; tạm trú: Số 20/11, khu phố T, phường D, thành phố D1, tỉnh B. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-4-2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Đình S tìm hiểu nhau 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã X, huyện T1, tỉnh T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 1, ngày 23/12/2004.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất về tài chính, tiền bạc, từ đó anh S đi làm nhưng không thường xuyên phụ giúp về tiền bạc để chị trang trải cho gia đình, tiền ai người đó giữ. Chị là người chi trả các khoản chi phí trong gia đình và trực tiếp đón đưa, chăm sóc các con. Ban đầu anh chị có trao đổi về tài chính, anh S không đồng ý nên dọn ra ngoài ở từ tháng 4/2021, đến tháng 6/2021 chị mua nhà mới nên trả lại phòng trọ thì anh S quay về phòng trọ ở địa chỉ: Số 20/11, khu phố T, phường D, thành phố D1, tỉnh B. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay.

Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh S, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh S có 02 con chung là Chu Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2007 và Chu Thị Phương V, sinh ngày 13/12/2018. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/4/2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Chu Đình S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quá trình tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Vợ chồng sống chung thì có phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, cãi vã thường xuyên và đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì lý do: anh và chị H chưa giải quyết xong về tài sản chung.

- Về con chung: Thống nhất anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hiện vợ chồng có tài sản chung là nhà đất diện tích khoảng 30 m², tọa lạc tổ 80, khu phố Tân Long, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh đã có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn tuy nhiên không có tiền để đóng tiền tạm ứng án phí. Anh yêu cầu chị H thanh toán giá trị tài sản chung là 400.000.000 đồng.

Kết quả xác minh tại H liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương: H không nhận được đơn yêu cầu hòa giải quan hệ hôn nhân và cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa chị H và anh S nên không rõ nguyên nhân mâu thuẫn, vấn đề con chung của anh chị. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm H đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, H đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị H đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T1, tỉnh T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 1, ngày 23/12/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tài chính trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị cũng đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Hiện không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như không còn tình cảm vợ chồng. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc anh S không đồng ý ly hôn vì lý do duy nhất là vợ chồng chưa giải quyết xong về vấn đề tài sản chung là không phù hợp. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh S thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Chu Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2007 và Chu Thị Phương V, sinh ngày 13/12/2018. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại phiên tòa chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, anh S đồng ý. Ngoài ra chị H có thu nhập ổn định để nuôi con, các con hiện đang ở với chị, cháu Phương Thảo cũng mong muốn được ở với mẹ. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị H về việc tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu. Ngày 10/5/2022 bị đơn có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tòa án đã thông báo cho anh Chu Đình S nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên quá thời hạn Tòa án ấn định anh S không nộp tiền. Do đó Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu chia tài sản chung cho anh S, không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định.

[4] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Chu Đình S về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Chu Đình S (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 1, ngày 23/12/2004 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện T1, tỉnh T cấp).

- Về con chung: Anh Chu Đình S giao 02 con chung là Chu Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2007 và Chu Thị Phương V, sinh ngày 13/12/2018 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị H và anh Chu Đình S đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh S lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị H nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003681 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân